

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST.
Ngày: 04-3-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Trong.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 04 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968.

Cư trú tại: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972.

Cư trú tại: xã H, huyện C, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

1. Ông Võ Thành N, sinh năm 1994

Cư trú tại: ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Võ Thị A, sinh năm: 1962.

Cư trú tại: ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Võ Thị Mai T2, sinh năm: 1976.

Cư trú tại: ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà H, bà T, ông N có mặt; Bà A, bà T2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2019 và những lời khai trình tại Tòa, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 08/12/2018, bà có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 133.000.000 đồng, để trả nợ ngân hàng, không thỏa thuận tiền lãi. Bà T có làm giấy mượn tiền thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng bà T sẽ trả cho bà hoàn tất số tiền trên. Đến hạn bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để kéo dài đến nay chưa thanh toán.

Từ ngày 08/12/2018 đến tháng 2/2019 bà T không có trả cho bà 33.000.000 đồng, như lời trình bày của bà T. Những giấy trả tiền ngày 15/2/2019, ngày 15/3/2019, ngày 15/4/2019, ngày 15/5/2019 và ngày 15/6/2019 đều do bà viết nhưng bà Võ Thị A là chị chồng bà T trả và bà A trả tiền nợ của con bà T là Võ Thành N, không phải trả nợ cho bà T.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H có thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện, bà chấp nhận số tiền bà A đã trả trừ vào số nợ của bà T. Bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số nợ vốn là 60.000.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm trả, tính từ ngày 08/01/2019 đến ngày 08/02/2020 là 13 tháng, theo lãi suất 0,8%/tháng, tiền lãi là 6.240.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 66.240.000 đồng, trả một lần trong thời gian ngắn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 15/7/2018 bà có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, nhưng bà H chỉ đưa cho bà 92.000.000 đồng, lấy trước 8.000.000 đồng. Bà H yêu cầu 10 ngày trả lãi một lần là 8.000.000 đồng, bà đã trả 5 tháng tiền lãi được 120.000.000 đồng từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018. Đến ngày 08/12/2018 (dl) bà không trả tiền lãi nên bà H buộc bà viết giấy nhận nợ số tiền 133.000.000 đồng bao gồm tiền vốn, tiền lãi chưa trả tháng 01/2019 và tiền nợ hui. Bà không có giấy tờ chứng minh việc trả lãi. Đối với giấy mượn tiền ngày 08/12/2018 là bà viết theo yêu cầu của bà H.

Từ ngày 08/12/2018 đến tháng 2/2019 bà có trả cho bà H 02 lần tiền vốn được 33.000.000 đồng, bà không nhớ ngày trả và không có làm giấy tờ giao nhận.

Ngày 15/2/2019 chị chồng của bà là bà Võ Thị A có thay mặt bà đứng ra thỏa thuận thanh toán nợ cho bà H, số nợ còn lại là 100.000.000 đồng, lần đầu trả 20.000.000 đồng, các tháng còn lại trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi xong nợ. Vào các ngày 15/3/2019, 15/4/2019, 15/5/2019 và 15/6/2019 mỗi tháng bà A trả cho bà H 5.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà A trả nợ thay cho bà là 40.000.000 đồng. Tất cả các giấy nhận tiền trên đều do bà H viết. Hiện nay bà còn nợ của bà H số nợ vốn vay là 60.000.000 đồng, bà đồng ý trả lãi chậm trả theo yêu

cầu của bà H nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi xong nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đối với hai người làm chứng là bà Võ Thị A và bà Võ Thị Mai T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị áp dụng Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt hai người làm chứng. Về nội dung vụ án tại phiên tòa các đương sự thống nhất số nợ vốn bị đơn còn thiếu của nguyên đơn và tiền lãi chậm trả nhưng không thống nhất thời gian thanh toán, do đó cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 60.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm trả là 6.240.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 66.240.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, không có lãi; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định. Đối với hai người làm chứng là bà Võ Thị A và bà Võ Thị Mai T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện nên các đương sự đã thống nhất số nợ gốc vay hiện nay bà T còn thiếu bà H là 60.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả, tính từ ngày 08/01/2019 đến ngày 08/02/2020 là 13 tháng, theo lãi suất 0,8%/tháng, tiền lãi là 6.240.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 66.240.000 đồng, nhưng các đương sự không thống nhất về thời gian và cách thức thanh toán nợ. Bà H yêu cầu bà T phải trả số nợ trên làm một lần trong thời gian ngắn. Bà T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ. Xét thấy yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được xem xét chấp nhận. Bà T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, bởi lẽ kéo dài thời gian thanh toán nợ sẽ làm cho quyền lợi của nguyên đơn bị thiệt thòi, do đó cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền trên khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải

chịu lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ($66.240.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.312.000 \text{ đồng}$). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 229 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc vay và tiền lãi cho bà Nguyễn Thị H số tiền 66.240.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu, hai trăm bốn chục ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 6.240.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.312.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 3.485.000 đồng, theo biên lai thu số 0002215 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Thái